CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cao su Đồng Phú

Ngày 31/12/2024	38,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.2%	**-5.0%**	**-8.9%**

DT thuần
Q4/24
457
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 109| 31.3%
YoY: ▲ 50.0| 12.2%

LN thuần
Q4/24
152
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 85.9| 130%
YoY: ▲ 52.0| 52.3%

LN sau thuế
Q4/24
141
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 79.8| 131%
YoY: ▲ 43.4| 44.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
32.9%
YoY: +/-▲ 3.7%

ROE
2024
8.8%
YoY: +/-▲ 1.9%

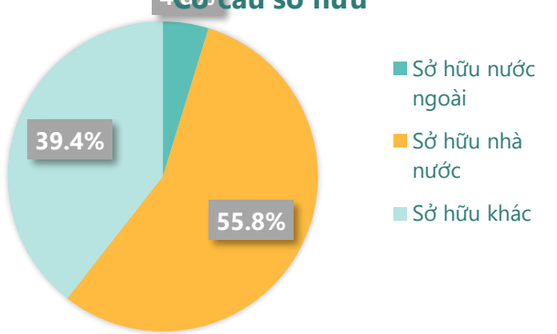
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	29,082 - 44,419
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,371
Số lượng CPLH (CP)	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	284,965
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	1.28
EPS	3,217
P/E	12.1

DT thuần
2024
1,225
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 184| 17.6%

LN thuần
2024
346
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 74.0| 26.9%

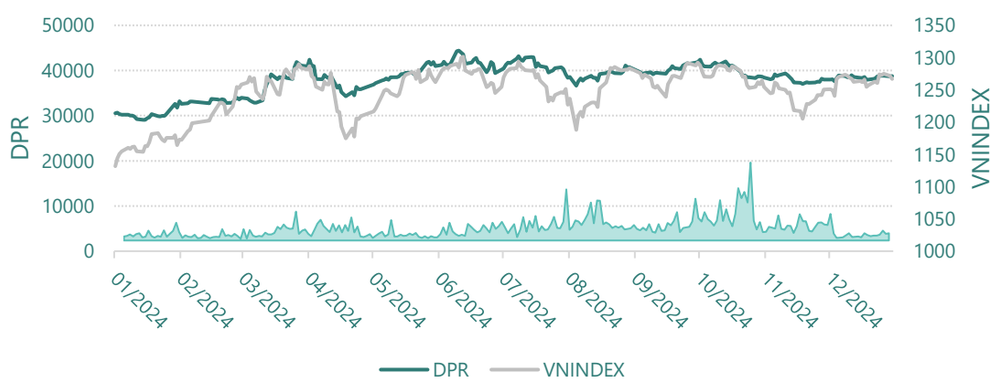
LN sau thuế
2024
344
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 90.0| 35.5%

Cơ cấu sở hữu

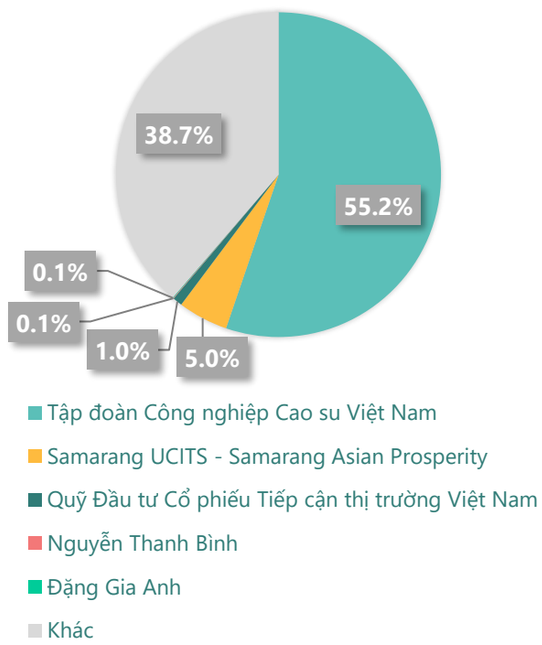


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



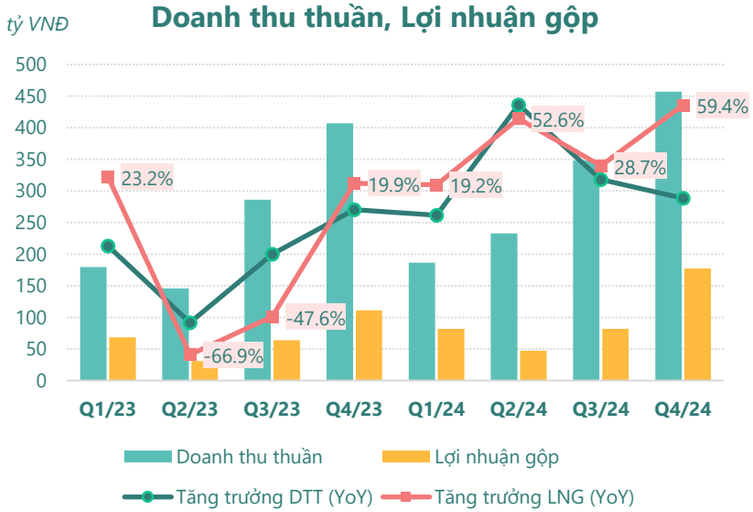
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

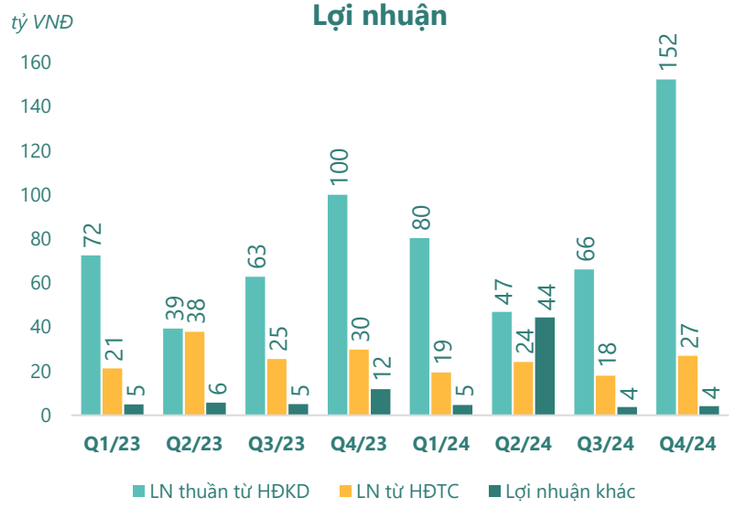
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



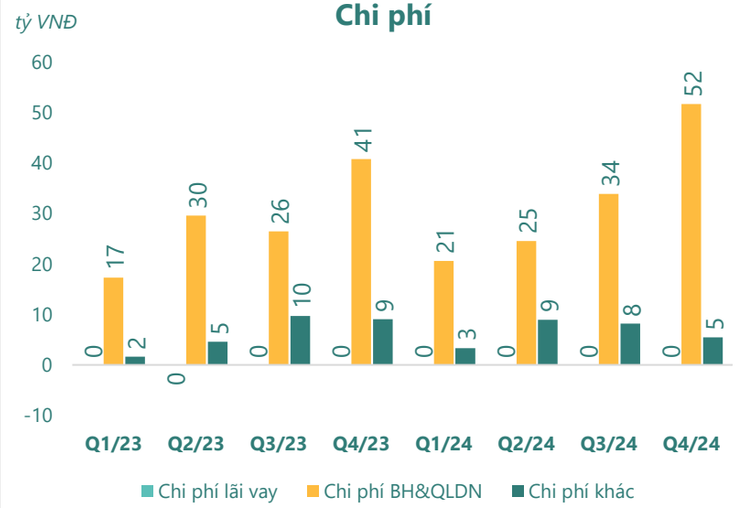
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



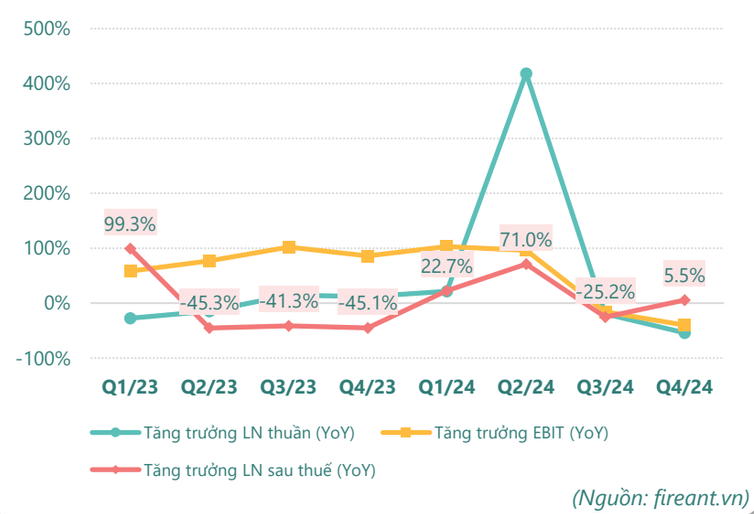
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



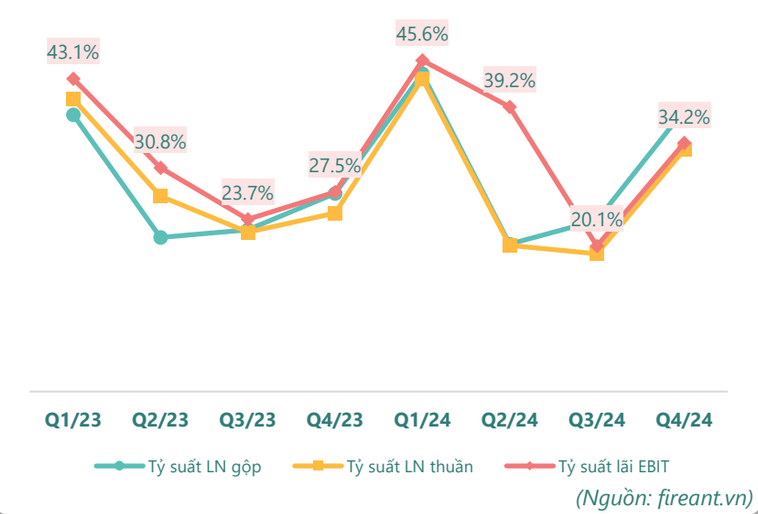
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



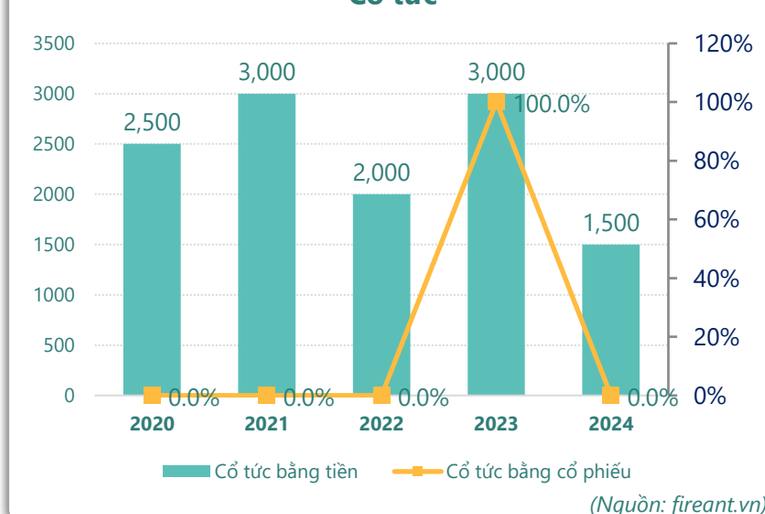
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

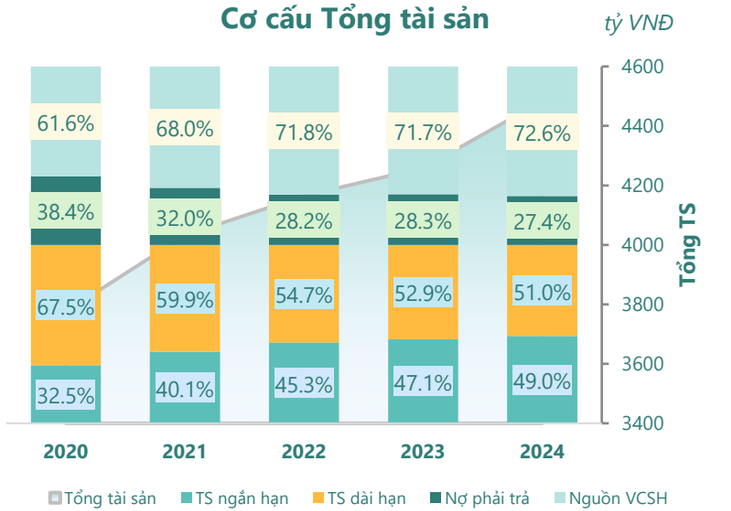
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

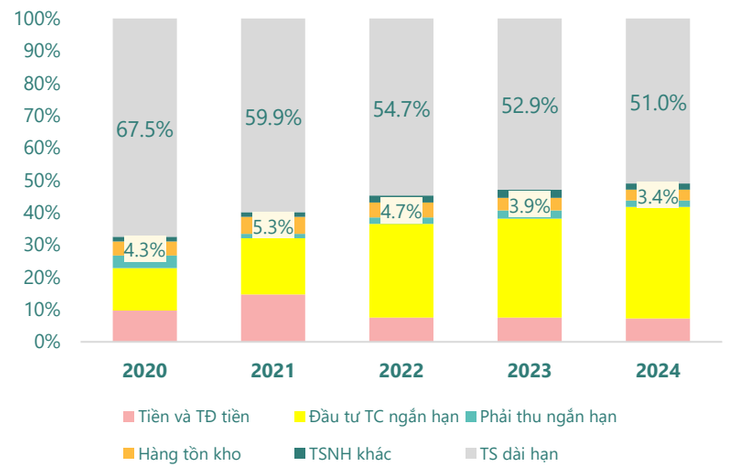
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



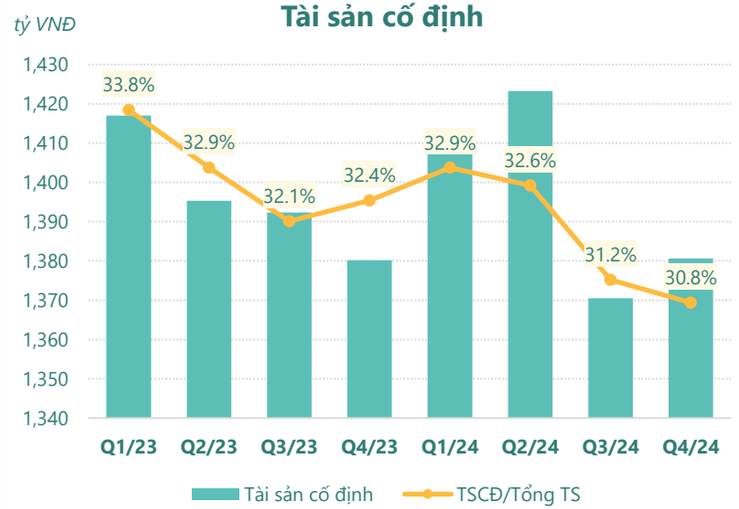
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



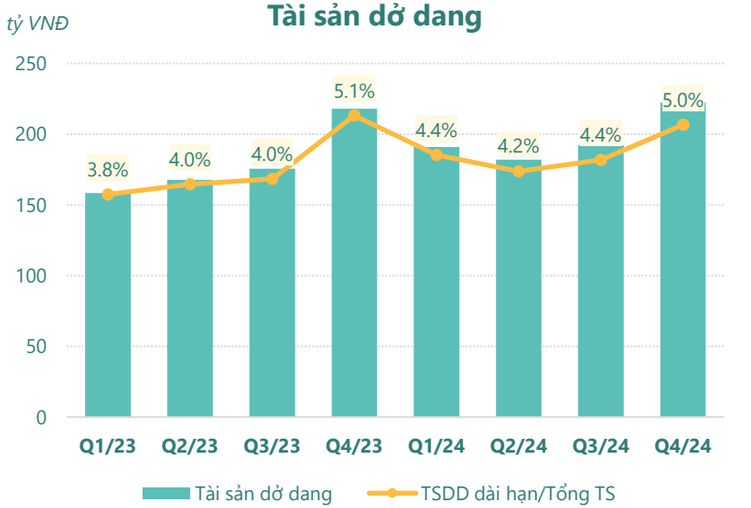
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



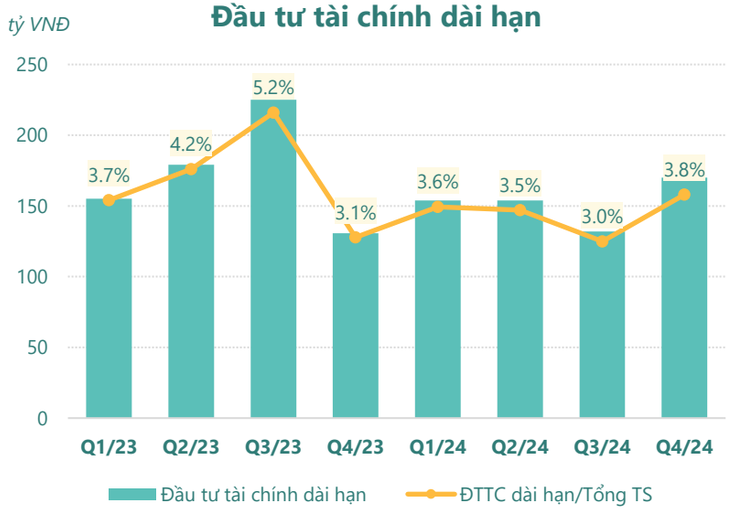
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



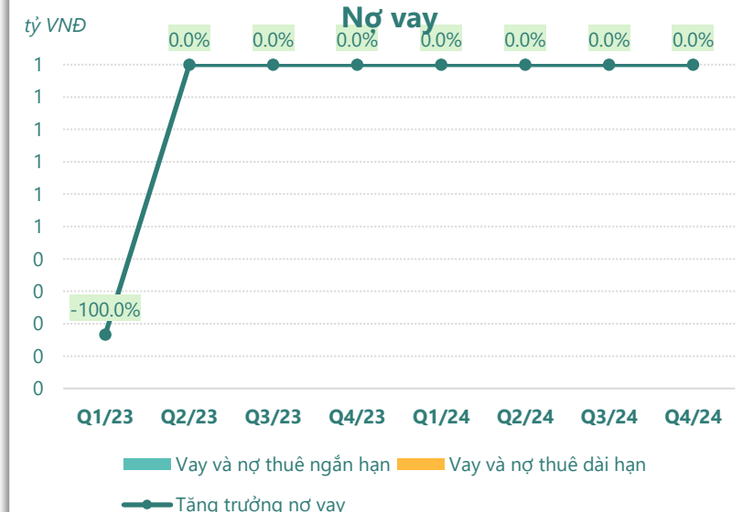
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

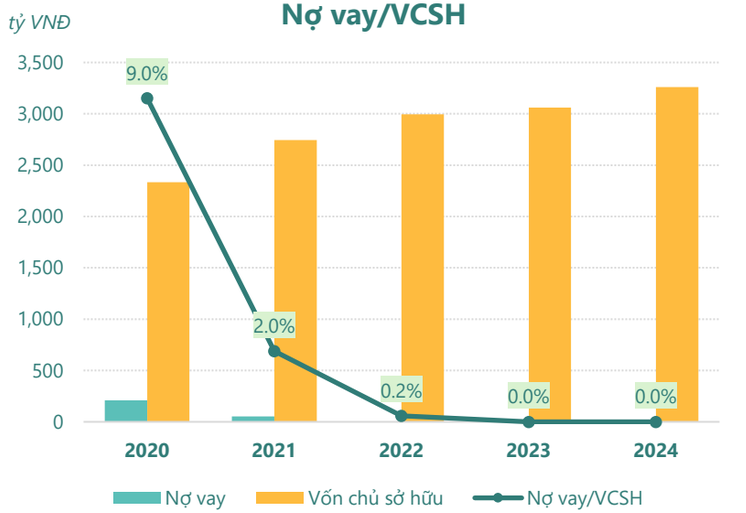
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

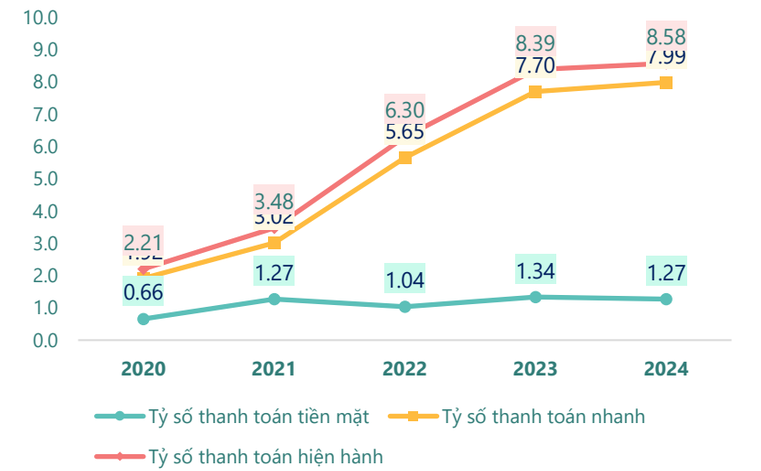
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



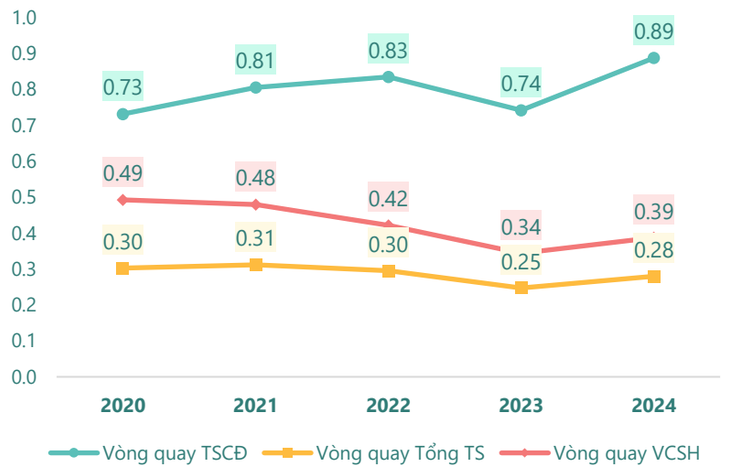
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



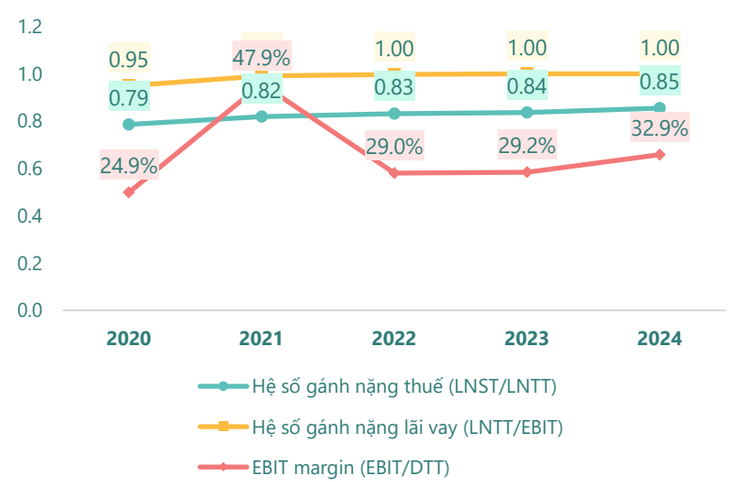
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



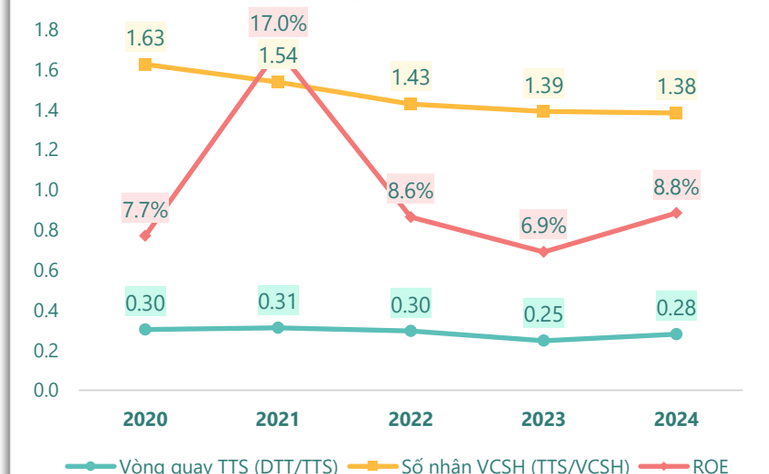
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



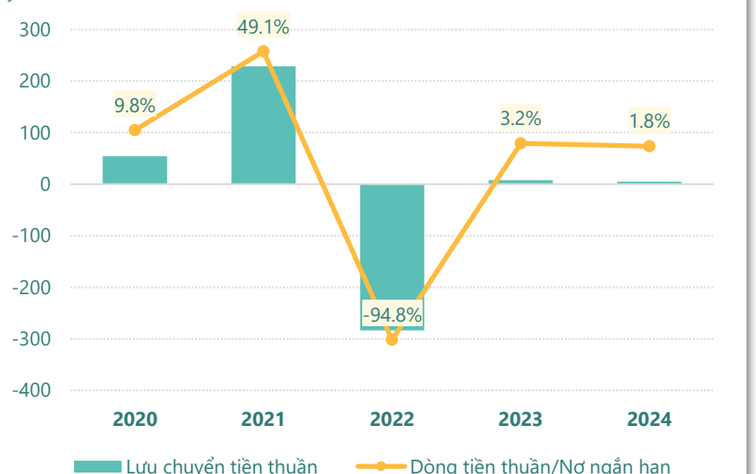
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**457**	**407**	**12.2%**	**1,225**	**1,041**	**17.6%**
Giá vốn hàng bán	280	296	-5.5%	836	767	9.1%
Lợi nhuận gộp	177	111	59.5%	388	274	41.4%
Doanh thu HĐTC	30.6	32.5	-5.9%	97.9	120	-18.5%
Chi phí TC	3.66	2.73	34.0%	9.47	5.77	63.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.50	7.78	-16.4%	20.1	22.1	-8.9%
Chi phí QLDN	**45.2**	**33.0**	**37.1%**	**111**	**94.2**	**17.6%**
LN thuần từ HĐKD	152	100	52.3%	346	272	26.9%
Lợi nhuận khác	**4.19**	**11.9**	**-64.8%**	**57.0**	**31.5**	**81.2%**
LN trước thuế	156	112	39.7%	403	304	32.5%
Lợi nhuận sau thuế	**141**	**97.6**	**44.9%**	**344**	**254**	**35.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**110**	**85.1**	**29.2%**	**279**	**209**	**33.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.4	242	-112	198	129	209
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	119	-60.5	-1.80	-171	-27.4	30.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.8	-178	-0.11	-0.05	-19.7	-230
Tiền đầu kỳ	197	316	320	207	237	316
Lưu chuyển tiền thuần	**118**	**3.72**	**-113**	**27.2**	**81.6**	**9.21**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.40	-0.38	0.60	3.11	-3.32	0.83
Tiền cuối kỳ	316	320	207	237	316	326

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,483**	**4,258**	**5.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,195	2,006	9.4%
Tiền và tương đương tiền	326	320	1.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,545	1,303	18.5%
Phải thu ngắn hạn	88.2	108	-18.6%
Hàng tồn kho	151	164	-8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	86.5	111	-22.1%
Tài sản dài hạn	**2,288**	**2,252**	**1.6%**
Phải thu dài hạn	3.60	3.53	1.9%
Tài sản cố định	1,381	1,380	0.0%
Bất động sản đầu tư	129	140	-7.9%
Tài sản dở dang	222	218	2.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	170	119	42.4%
Tài sản dài hạn khác	**383**	**392**	**-2.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,228	1,204	2.0%
Nợ ngắn hạn	**256**	**239**	**7.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.79	5.34	8.3%
Nợ dài hạn	972	965	0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,255**	**3,054**	**6.6%**
Vốn chủ sở hữu	**3,260**	**3,059**	**6.6%**
Vốn điều lệ	869	869	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**-4.94**	**-4.88**	**-1.1%**

(Nguồn: fireant.vn)